

Số: /KH-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2030

Thực hiện Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030; Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Hà Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2030 với những nội dung sau:

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TỈNH HÀ NAM

Tính đến hết tháng 12 năm 2021, trên địa bàn tỉnh Hà Nam có 65 làng nghề được công nhận (trong đó có 35 làng nghề truyền thống, 30 làng nghề). Tuy nhiên, có 58/65 làng nghề được công nhận hiện đang hoạt động (trong đó có 32 làng nghề truyền thống, 26 làng nghề); 07 làng nghề bị mai một và hiện không còn hoạt động gồm: 03 làng nghề truyền thống (làng nghề truyền thống thêu ren Vũ Xá, Yên Bắc, thị xã Duy Tiên; làng nghề truyền thống thêu ren tổ 13, phường Quang Trung; làng nghề truyền thống thêu ren Lương Cỗ, phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý); 04 làng nghề (làng nghề Hòa Trung, xã Tiên Nội; làng nghề Động Linh, xã Duy Minh, thị xã Duy Tiên; làng nghề thôn 4, xã Bồ Đề; làng nghề thôn Tiêu Viên, xã Tiêu Động, huyện Bình Lục). Hoạt động sản xuất, kinh doanh của 58 làng nghề được chia theo 4 nhóm ngành nghề, cụ thể: nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản có 18 làng nghề (trong đó có 10 làng nghề truyền thống và 08 làng nghề); nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ có 02 làng nghề truyền thống; nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ có 37 làng nghề (trong đó có 20 làng nghề truyền thống và 17 làng nghề); nhóm sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh có 01 làng nghề.

Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề trong các làng nghề là 7.831 cơ sở (trong đó có 7.717 hộ gia đình, 112 doanh nghiệp và 2 HTX). Tổng doanh thu năm 2021 của 58 làng nghề đạt 1.779,5 tỷ đồng, thu hút tổng số 18.200 lao động (trong đó: Có việc làm thường xuyên là 15.976 lao động, số nghệ nhân đã được công nhận là 13 nghệ nhân); thu nhập bình quân năm 2021 đạt xấp xỉ 05 triệu đồng/người/tháng.

Công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu và phát triển làng nghề gắn với chương trình OCOP đã được các địa phương, làng nghề quan tâm thực hiện. Nhiều cơ sở làng nghề đã tích cực tham gia các hội chợ, triển lãm nhằm tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ. Tuy nhiên, hầu hết các sản phẩm làng nghề chưa có thương hiệu. Đến nay, có 14/58 làng nghề có sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (làng nghề truyền thống bánh đa nem làng Chèu, bánh đa nem xóm 1, xóm 3 Trần Xá, xóm 2, xóm 4 Mão Cầu, xóm 3+4 Đồng Phú, xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân; trống Đọi Tam, xã Tiên Sơn, dệt lụa Nha Xá, xã Mộc Nam, rượu làng Bèo, xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên; rượu Vọc, xã Vũ Bản, huyện Bình Lục; thêu ren An Hòa, Hòa Ngãi, Quang Trung, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm; chế biến lương thực, thực phẩm Bích Trì, xã Liêm Tuyền, thành phố Phủ Lý); có 06/58 làng nghề có sản phẩm được xếp hạng công nhận đạt sản phẩm OCOP hạng 3 sao cấp tỉnh trở lên (làng nghề truyền thống mây giang đan Ngọc Động, xã Hoàng Đông, rượu làng Bèo, thôn Thượng, xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên; rượu Vọc, xã Vũ Bản, huyện Bình Lục; bánh đa nem làng Chèu xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân; gốm Quyết Thành, thị trấn Quế, huyện Kim Bảng; thêu ren Hòa Ngãi, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm).

Công tác bảo vệ môi trường tại các làng nghề được các địa phương quan tâm, chỉ đạo sát sao, tuy nhiên, công tác xây dựng phương án bảo vệ môi trường theo quy định còn chậm, công tác xử lý ô nhiễm môi trường tại làng nghề chưa triệt để, tình trạng xả thải ra hệ thống tiêu nước chung gây ô nhiễm môi trường còn diễn ra phổ biến. Đến nay, trên địa bàn tỉnh mới có 13/58 làng nghề xây dựng phương án bảo vệ môi trường làng nghề được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt (làng nghề truyền thống bánh đa nem làng Chèu, bánh đa nem xóm 1, xóm 3 Trần Xá, xóm 2, xóm 4 Mão Cầu, xóm 3+4 Đồng Phú xã Nguyên Lý; làng nghề truyền thống dệt Đại Hoàng, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân; rượu Vọc xã Vũ Bản; sừng mỹ nghệ Đô Hai, xã An Lão, tre đan Gòl Thượng, xã An Nội; dưa cưa Đại Phú, xã An Đổ, huyện Bình Lục; dệt lụa Nha Xá, xã Mộc Nam; làng nghề thôn Yên Mỹ, xã Chuyên Ngoại, thị xã Duy Tiên).

Tuy nhiên, sự phát triển của nghề và làng nghề đang ở tình trạng manh mún, chưa được quan tâm đầu tư thích đáng, gặp nhiều khó khăn, thách thức như: tổ chức quản lý còn yếu; nhà xưởng, công nghệ, thiết bị lạc hậu; chất lượng, mẫu mã của sản phẩm chưa đáp ứng được thị hiếu của người dùng; thị trường tiêu thụ sản phẩm không ổn định; trình độ tay nghề của lao động chưa cao, năng suất lao động thấp; tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề chưa được quan tâm đúng mức; cơ sở hạ tầng làng nghề còn hạn chế, chưa được đầu tư đồng bộ, đặc biệt là thiếu đầu tư các công trình bảo vệ môi trường và hạ tầng phục vụ phát triển du lịch. Mặt khác, do kinh tế thị trường phát triển cùng với quá trình công nghiệp hóa nên hiện nay, một số nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Trung ương và của tỉnh về công tác bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trong giai đoạn 2021 - 2030.

- Khẳng định và nâng cao vai trò, tầm quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề truyền thống; tạo điều kiện thuận lợi cho làng nghề phát triển bền vững gắn với các hoạt động du lịch, văn hóa, lễ hội truyền thống nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử của làng nghề; tăng thu nhập, ổn định đời sống của người dân, góp phần thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao giá trị sản xuất hàng hóa của làng nghề ở khu vực nông thôn, nâng cao năng lực sản xuất và xây dựng thương hiệu sản phẩm làng nghề.

2. Yêu cầu

- Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề truyền thống gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để thúc đẩy nhanh quá trình CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch, dịch vụ và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương, đồng thời bám sát mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch để triển khai hiệu quả công tác bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của các làng nghề tại địa phương, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng cho các sản phẩm làng nghề; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; bảo vệ cảnh quan, không gian và môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Duy trì 58/65 làng nghề được công nhận đang hoạt động;

- Khôi phục, bảo tồn được ít nhất 02 làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền;

- Công nhận mới 02 - 03 làng nghề; phát triển ít nhất 01 làng nghề gắn với du lịch;

- Thu hồi bằng công nhận 07 làng nghề, làng nghề truyền thống không còn hoạt động.

- Trên 70% làng nghề, làng nghề truyền thống hoạt động có hiệu quả;

- 80% người lao động trong làng nghề được đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng vệ sinh an toàn lao động và kiến thức công nghệ thông tin cơ bản;

- Khoảng 12 - 14 làng nghề truyền thống có sản phẩm được phân hạng theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

- Có ít nhất 15 làng nghề có sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt khoảng 10%/năm;

- Thu nhập bình quân của lao động tăng ít nhất 1,5 - 2 lần so với năm 2020;

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại làng nghề dệt lụa Nha Xá, xã Mộc Nam, đưa làng nghề Nha Xá ra khỏi danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đến năm 2030

- Tổng số làng nghề được công nhận là 60 làng nghề;

- Khôi phục bảo tồn được 02 - 03 làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền;

- Công nhận mới 01 - 02 làng nghề; phát triển 01 - 02 làng nghề gắn với du lịch;

- Trên 80% làng nghề, làng nghề truyền thống hoạt động có hiệu quả;

- 100% người lao động trong làng nghề được đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng vệ sinh an toàn lao động và kiến thức công nghệ thông tin cơ bản;

- Khoảng 16 - 17 làng nghề có sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt khoảng 10%/năm;

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

IV. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại nghề, làng nghề

Thực hiện rà soát, đánh giá phân loại nghề, làng nghề theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ theo hướng:

- Những nghề, làng nghề có nguy cơ mai một, thất truyền nhưng không thể khôi phục.

- Những nghề, làng nghề có nguy cơ mai một, thất truyền nhưng có khả năng khôi phục và phát triển.

- Những nghề, làng nghề có xu hướng phát triển.

2. Tổ chức khôi phục, bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống

- Đối với những nghề, làng nghề có nguy cơ mai một, thất truyền nhưng không thể khôi phục thì tiến hành các biện pháp bảo tồn là chính. Trong đó, tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

+ Tuyên truyền, vận động người dân bảo tồn nghề, làng nghề phục vụ công tác sưu tầm, tài liệu hóa, bảo tồn bí quyết, công nghệ cổ truyền tinh xảo, độc đáo, các sản phẩm được lưu truyền, các mẫu hoa văn truyền thống, các lễ hội truyền thống của làng nghề để lưu giữ tại các khu trưng bày, khu lưu niệm, nhà văn hóa của thôn, xóm.

+ Bảo tồn tại thực địa gắn với du lịch trải nghề, làng nghề thông qua các hoạt động trình diễn của nghệ nhân, thợ giỏi.

+ Tiến hành các biện pháp lưu giữ thông qua việc số hóa tư liệu, xây dựng phim, hình ảnh, ấn phẩm,...

- Đối với các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền nhưng có khả năng khôi phục và phát triển:

+ Tuyên truyền, vận động người dân trong việc bảo tồn, giữ gìn nghề truyền thống của địa phương.

+ Xây dựng kế hoạch nhằm khôi phục, bảo tồn đối với nghề truyền thống, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền.

+ Tổ chức lại hoạt động sản xuất, kinh doanh của các nghề truyền thống và các làng nghề truyền thống theo hướng liên kết chuỗi giá trị và gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan khu vực làng nghề.

+ Ứng dụng khoa học và công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh: Sử dụng công nghệ truyền thống kết hợp áp dụng cơ khí hóa một số công đoạn sản xuất thủ công mà không ảnh hưởng đến giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ và giá trị truyền thống của sản phẩm như các công đoạn xử lý, chuẩn bị nguyên liệu, sơ chế, hoàn thiện, đóng gói,... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm làng nghề.

+ Đổi mới và đa dạng mẫu mã các sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

+ Phát triển và xây dựng thương hiệu sản phẩm làng nghề.

+ Chủ động, tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ.

+ Tổ chức tiến hành đào tạo nguồn nhân lực trong các làng nghề và tiến hành truyền nghề truyền thống.

- Đối với các nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận và đang hoạt động hiệu quả.

+ Đẩy mạnh phát triển các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống sản xuất ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ tốt. Chú trọng nâng cao chất lượng, đa dạng mẫu mã, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của

người tiêu dùng. Đẩy mạnh công tác phát triển thương hiệu gắn với các điểm tiêu thụ sản phẩm.

+ Hỗ trợ đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại, mở rộng sản xuất phát triển sản phẩm, tạo liên kết với các cơ sở lớn tiêu thụ sản phẩm ra thị trường.

+ Tăng cường xúc tiến thương mại, tạo điều kiện tiếp thị các sản phẩm, nắm bắt thị trường, trao đổi kinh nghiệm để định hướng phát triển sản xuất các sản phẩm thủ công có giá trị xuất khẩu, phù hợp với điều kiện địa phương.

+ Chú trọng và tăng cường công tác bảo vệ môi trường làng nghề; xây dựng và triển khai thực hiện phương án bảo vệ môi trường làng nghề đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Đối với làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung cần áp dụng các công nghệ xử lý nước thải tiên tiến, phù hợp; tăng cường áp dụng các công nghệ sản xuất sạch, thân thiện với môi trường.

3. Phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới

- Phục hồi, tôn tạo các di tích liên quan đến giá trị văn hóa nghề, làng nghề truyền thống (không gian làm nghề, cảnh quan làng nghề,...); phát triển hạ tầng làng nghề gắn với du lịch (đường giao thông, công trình phụ trợ,...); tổ chức các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của nghề và làng nghề truyền thống gắn với nét độc đáo, bản sắc văn hóa riêng của từng làng nghề.

- Phối hợp với các công ty du lịch lữ hành xây dựng các tour du lịch gắn với thăm quan trải nghiệm tại các làng nghề truyền thống.

- Phối hợp với các hiệp hội, doanh nghiệp xây dựng các trung tâm trưng bày và mua sắm các sản phẩm tại làng nghề để phục vụ khách du lịch.

- Tổ chức liên kết chuỗi giá trị, phát triển làng nghề gắn với du lịch: Phát triển các sản phẩm du lịch làng nghề trên cơ sở các công trình văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng, các điểm du lịch, các tuyến du lịch, chương trình du lịch nông thôn (du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh, du lịch canh nông,...), góp phần phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

4. Phát triển làng nghề mới

- Tiến hành khảo sát, đánh giá nhằm xác định trên địa bàn có nghề thủ công đang hoạt động ổn định, có khả năng phát triển để tập trung hỗ trợ đầu tư thành làng nghề theo các tiêu chí đã quy định.

- Đẩy mạnh phát triển và đẩy nhanh tiến độ công nhận các làng nghề mới từ những làng có nghề; phát triển làng nghề theo thế mạnh và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, ít gây tác động đến môi trường, sử dụng lao động tại chỗ.

5. Tổ chức các hoạt động tôn vinh các sản phẩm và các nghệ nhân, thợ giỏi tiêu biểu

- Phát huy vai trò của nghệ nhân, thợ giỏi: Duy trì và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi, tạo nòng cốt thúc đẩy công tác đào tạo, truyền nghề, thực hành nghề thủ công truyền thống, lan tỏa các giá trị của di sản văn hóa nghề

truyền thống trong cộng đồng, đặc biệt đối với thế hệ trẻ; bảo tồn, phát triển kỹ năng nghề truyền thống, sáng tạo thêm nhiều sản phẩm, tác phẩm mới có giá trị.

- Tổ chức phong tặng, tôn vinh các danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân và các sản phẩm làng nghề tiêu biểu.

- Suu tầm, lưu giữ và tổ chức trưng bày các tác phẩm tiêu biểu, đặc sắc của các nghệ nhân, thợ giỏi, nghệ nhân tiêu biểu các cấp.

6. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng và bảo vệ môi trường làng nghề

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ môi trường, khuyến khích việc xây dựng hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường làng nghề.

- Nghiên cứu, chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất tuần hoàn, khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất trong làng nghề tái sử dụng phụ phẩm nông, lâm nghiệp để làm nguyên liệu sản xuất, tái sử dụng và xử lý chất thải phù hợp với điều kiện làng nghề, giảm thiểu ô nhiễm, thân thiện môi trường.

- Di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề và chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển lại làng nghề theo quy định. Xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu vực đã bị ô nhiễm sau khi di dời hoặc chấm dứt hoạt động.

7. Thu hồi bằng công nhận đối với các làng nghề, làng nghề truyền thống không đảm bảo tiêu chí

Tiến hành rà soát, đánh giá các tiêu chí làng nghề, làng nghề truyền thống nhằm xác định các làng nghề không đảm bảo tiêu chí, không còn hoạt động, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thu hồi bằng công nhận theo quy định.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về quy hoạch

Rà soát, sắp xếp lại làng nghề, làng nghề truyền thống phù hợp với quy hoạch các cấp theo quy định về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy định của pháp luật liên quan, đảm bảo đủ mặt bằng phục vụ sản xuất, bảo vệ cảnh quan, không gian và môi trường làng nghề gắn với phát triển du lịch, xây dựng nông thôn mới.

2. Xếp loại hoạt động làng nghề

Tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá, xếp loại hoạt động làng nghề gắn với các mục tiêu phát triển bền vững.

3. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Rà soát cơ chế, chính sách về đất đai, thu hút đầu tư, hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường, khuyến công, đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các chính sách liên quan để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát

triển nghề, làng nghề. Tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ để đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch theo quy định.

- Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách hỗ trợ nghề nhân, thợ giỏi phát triển nghề nghiệp và tham gia đào tạo, truyền nghề.

4. Đào tạo nâng cao năng lực nghề nhân, thợ giỏi và nguồn nhân lực phục vụ phát triển làng nghề

- Tập trung hỗ trợ, tạo điều kiện cho các nghề nhân, thợ giỏi tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học, thiết kế mẫu mã sản phẩm và xu hướng thị trường; khuyến khích, hỗ trợ nghề nhân tham gia đào tạo, truyền nghề cho người lao động trong làng nghề.

- Hỗ trợ đào tạo cho người lao động tại làng nghề nâng cao trình độ kỹ năng nghề, vệ sinh an toàn lao động, kiến thức công nghệ thông tin cơ bản; hỗ trợ, đào tạo người sử dụng lao động tại làng nghề (chủ các doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở sản xuất, kinh doanh) nâng cao kỹ năng quản lý, chuyên đổi số, kiến thức kinh doanh.

- Phát triển mô hình liên kết giữa các hiệp hội chuyên ngành, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề để thực hiện công tác đào tạo nguồn nhân lực.

5. Chuyên giao khoa học, công nghệ, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất

- Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và vật liệu mới vào sản xuất, ưu tiên công nghệ thân thiện với môi trường và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo. Kết hợp công nghệ mới với kỹ thuật, công nghệ truyền thống để nâng cao hiệu quả sản xuất nhưng không ảnh hưởng đến giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ và giá trị truyền thống của sản phẩm.

- Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, xúc tiến thương mại và phát triển du lịch làng nghề (số hóa sản phẩm, xây dựng các trang website bán hàng, giới thiệu sản phẩm,...).

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh cải thiện điều kiện sản xuất, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến,...

6. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm nghề, làng nghề theo Chương trình xúc tiến thương mại và Chương trình OCOP của tỉnh.

- Hỗ trợ quảng bá, tìm kiếm thị trường cho làng nghề truyền thống qua các hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh nhằm tạo điều kiện tiếp thị các sản phẩm, nắm bắt thị trường, trao đổi kinh nghiệm để định hướng phát triển sản xuất các sản phẩm thủ công có giá trị xuất khẩu, phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp tại làng nghề xây dựng thương hiệu, hệ thống truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, bộ phận nhận diện thương hiệu các sản phẩm làng nghề; xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu, quảng bá sản phẩm, bán hàng trực tuyến; hướng dẫn,

hỗ trợ các chủ thể sản xuất tại các làng nghề lập hồ sơ tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP.

7. Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ làng nghề

Phát triển vùng nguyên liệu tập trung, ổn định trong đó ưu tiên cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực như lúa gạo phục vụ cho nhóm ngành chế biến lương thực, thực phẩm tại các địa phương có điều kiện phù hợp.

8. Xây dựng chuỗi liên kết giá trị làng nghề

- Tổ chức lại sản xuất làng nghề theo hướng hình thành các chuỗi liên kết giá trị từ vùng nguyên liệu, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Phát triển kinh tế tập thể, thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia chuỗi giá trị để cung cấp các dịch vụ cho các cơ sở sản xuất, đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng hiệu quả, nâng cao giá trị sản phẩm.

- Thiết kế, xây dựng các tuyến, điểm và tổ chức hoạt động du lịch, tham quan, giáo dục, trải nghiệm nghề và làng nghề truyền thống, liên kết chặt chẽ với các chương trình du lịch nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của làng nghề và các sản phẩm của địa phương.

- Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thí điểm liên kết theo chuỗi giá trị: bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch; bảo tồn và phát triển nghề truyền thống gắn với xây dựng thương hiệu; ứng dụng khoa học và công nghệ mới vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề.

9. Thành lập và nâng cao chất lượng của các hiệp hội sản xuất, kinh doanh; các hợp tác xã; doanh nghiệp trong các làng nghề

Nâng cao vai trò và thành lập mới các doanh nghiệp, hiệp hội, hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn nhằm hỗ trợ các thành viên trong sản xuất, thương mại, phát triển ngành nghề nông thôn cũng như gia tăng hiệu quả của chuỗi liên kết giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

10. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân và xã hội về vai trò và tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương.

- Đẩy mạnh truyền thông, khuyến khích liên kết, thu hút các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư cho các hoạt động bảo tồn và phát triển làng nghề; khuyến khích người dân sử dụng, trưng bày các sản phẩm làng nghề của địa phương.

11. Các dự án ưu tiên để thực hiện Kế hoạch

- Dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ vào xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề.

- Dự án bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch.

- Dự án bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; vốn lồng ghép từ các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án liên quan (sự nghiệp khoa học và công nghệ, khuyến công, khuyến nông,...); nguồn ngân sách các cấp (huyện, xã) và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác, nhất là nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện các nội dung của kế hoạch.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án, dự án và các chính sách về bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn các địa phương trình tự, thủ tục xét công nhận, thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, tập huấn, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở sản xuất, kinh doanh, hoạt động dịch vụ nghề, làng nghề theo quy định.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng tiêu chí đánh giá, xếp loại hoạt động làng nghề gắn với các mục tiêu phát triển bền vững.

- Rà soát các nội dung, chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các địa phương để tổ chức quản lý và thực hiện có hiệu quả Kế hoạch.

- Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thực hiện công tác bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh theo quy định; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện hiệu quả công tác khuyến công và xúc tiến thương mại, hỗ trợ làng nghề quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, phổ biến, hướng dẫn, quản lý công nghệ sản xuất đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững các làng nghề.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong sản xuất, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm có giá trị, hiệu quả kinh tế tại các làng nghề dưới hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các chương trình, kế hoạch du lịch với các sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề, không gian làng nghề, các lễ hội và phát triển văn hóa ở khu vực nông thôn.

- Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên kết với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, du lịch xây dựng các tuyến, điểm, phát triển các sản phẩm du lịch, xúc tiến du lịch gắn với các làng nghề có tiềm năng về phát triển du lịch.

5. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, hỗ trợ nghề nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo, truyền nghề.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Rà soát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách về đất đai, xử lý môi trường; nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến công nghệ xử lý môi trường phù hợp để hỗ trợ các làng nghề phát triển bền vững.

- Rà soát, đánh giá và cập nhật danh sách các làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý dứt điểm, xử lý các khu vực đã bị ô nhiễm sau khi di dời hoặc chấm dứt hoạt động; hướng dẫn biện pháp xử lý chất thải, nước thải, bảo vệ môi trường phù hợp với các làng nghề.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề.

7. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh hàng năm để thực hiện các nội dung trong Kế hoạch phù hợp với khả năng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách và quy định của pháp luật liên quan.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng công tác tuyên truyền đối với các cơ quan báo chí của tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao cấp huyện, Đài

Truyền thanh cấp xã tuyên truyền, tuyên truyền trên Công thông tin điện tử tỉnh Hà Nam về vai trò và tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

9. Đề nghị Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ và các hiệp hội sản xuất và kinh doanh sản phẩm làng nghề trên địa bàn

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo cấp hội cơ sở tích cực phối hợp với các sở, ngành và địa phương tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân, doanh nghiệp và hội viên tham gia tích cực công tác bảo tồn và phát triển làng nghề.

10. Cơ quan truyền thông (Báo Hà Nam, Đài phát thanh và Truyền hình Hà Nam)

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân và xã hội về vai trò và tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; tuyên truyền về các sản phẩm ngành nghề nông thôn, các tour tuyến, khu vực và sản phẩm du lịch gắn với nông thôn, làng nghề.

11. Các Sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành chỉ đạo thực hiện các nội dung, giải pháp để thực hiện kế hoạch trên địa bàn tỉnh và kết hợp, lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án có liên quan để hỗ trợ việc bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo rà soát quy hoạch, xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch tại địa phương. Chủ động bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại nghề, làng nghề; tổ chức khôi phục, bảo tồn các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền; phục hồi, tôn tạo các di tích, xây dựng môi trường du lịch văn hóa làng nghề; hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các làng nghề và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề.

- Tăng cường rà soát tình hình hoạt động nghề, làng nghề; lập hồ sơ đề nghị công nhận những nghề truyền thống, làng nghề đủ điều kiện; hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể sản xuất ngành nghề, làng nghề tiếp cận cơ chế, chính sách góp phần thúc đẩy phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống tại địa phương.

- Chỉ đạo tổ chức lại sản xuất, xây dựng chuỗi liên kết giá trị làng nghề, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học, công nghệ mới, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm làng nghề của địa phương. Hỗ trợ các sản phẩm OCOP tiêu biểu của các làng nghề tham gia các sự kiện, hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch trên địa bàn, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện các nội dung của kế hoạch, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

13. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hướng dẫn, quản lý các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nghề, làng nghề chấp hành tốt quy định pháp luật của Nhà nước.

- Thường xuyên rà soát, kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động nghề, làng nghề tại địa phương; phổ biến, tuyên truyền và hướng dẫn lao động đăng ký nhu cầu đào tạo nghề, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xây dựng dự án/mô hình bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị công nhận, hồ sơ đề nghị thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống.

- Hướng dẫn các làng nghề tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật. Triển khai lập hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt theo quy định của pháp luật.

- Tổng hợp báo cáo đột xuất hoặc định kỳ tình hình phát triển nghề, làng nghề hàng năm hoặc giai đoạn theo quy định.

14. Các làng nghề trên địa bàn

- Tiếp tục bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề có giá trị truyền thống hiện có và phổ biến, tuyên truyền chính sách, cũng như ý nghĩa, tầm quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống. Bảo tồn các giá trị văn hóa làng nghề gắn với phát triển kinh tế du lịch để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tại địa phương.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường làng nghề. Tiến hành lập và thực hiện phương án bảo vệ môi trường đảm bảo tiến độ theo quy định.

- Chủ động, tích cực cải tiến quy trình công nghệ, đầu tư thay thế trang thiết bị, nguyên, nhiên liệu,... nhằm nâng cao năng suất lao động, cải thiện môi trường làm việc và hạn chế thấp nhất lượng chất thải phát sinh; lựa chọn giải pháp kỹ thuật, công nghệ xử lý chất thải môi trường phù hợp với làng nghề.

- Xây dựng và phát triển các thương hiệu các sản phẩm làng nghề đặc trưng; chủ động, tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước thông qua việc trực tiếp tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, OCOP,...

- Tích cực tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, tay nghề cho lao động trong làng nghề.

Trên đây là Kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2030. Đề nghị các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, kịp thời gửi báo cáo, đề xuất về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành của tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Hà Nam;
- VPUB: LĐV, NN&TNMT, TH;
- Lưu: VT, NN&TNMT.

L/NN/2022/KH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Vượng